

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực phía Bắc tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ quy định lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ các Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 27/6/2019, Quyết định số 3512/QĐ-UBND ngày 24/8/2021, Quyết định số 3438/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 4825/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực phía Bắc tỉnh Bình Định tại Khu phố Thiết Đính Nam, phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn;

Căn cứ Văn bản số 5463/UBND-KT ngày 02/8/2023 của UBND tỉnh về việc kế hoạch triển khai các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 3330/UBND-KT ngày 07/5/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực phía Bắc tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 229/TTr-SXD ngày 19/8/2024 và thực hiện kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 1582-TB/TU ngày 06/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đề án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực phía Bắc tỉnh Bình Định.

2. Phạm vi, ranh giới và quy mô điều chỉnh quy hoạch:

- Phạm vi ranh giới khu đất lập điều chỉnh quy hoạch: Thuộc khu phố Thiết Dính Nam, phường Bông Sơn, thị xã Hoài Nhơn, (thuộc phía Nam của Bãi chôn lấp chất thải rắn hiện trạng) có giới cận như sau:

+ Phía Bắc giáp: Bãi chôn lấp CTR hiện trạng + Đường vào;

+ Phía Nam giáp: Đất lâm nghiệp;

+ Phía Đông giáp: Đất lâm nghiệp và đất trồng lúa;

+ Phía Tây giáp: Đất lâm nghiệp;

- Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng: 44.000 m² (khoảng 4,40ha)

3. Tính chất, chức năng và mục tiêu quy hoạch:

- Đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn, trọng tâm là nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt có công nghệ tiên tiến phục vụ xử lý chất thải rắn trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn và các huyện Hoài Ân, Phù Mỹ nhằm bảo vệ môi trường, nguồn nước và đời sống của người dân khu vực phía Bắc tỉnh Bình Định.

- Cụ thể hóa đề án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035; Kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Làm cơ sở pháp lý triển khai thực hiện dự án theo quy hoạch.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất quy hoạch xây dựng Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt (*)	34.914,58	79,35

2	Đất cây xanh cách ly kết hợp mái taluy	9.085,42	20,65
	Tổng diện tích quy hoạch	44.000,00	100,0

(*) Tỷ lệ sử dụng đất trong khu vực xây dựng Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt (*đất xây dựng các công trình phục vụ dây chuyền xử lý chất thải rắn, công trình bảo vệ môi trường; đất khu nhà điều hành và công trình phụ trợ khác, đất giao thông, đất cây xanh, mặt nước...*) sẽ được xác định cụ thể sau khi đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được lựa chọn và đảm bảo tuân thủ Bảng 1. Tỷ lệ sử dụng đất trong cơ sở xử lý chất thải rắn của mục 2.3 QCVN 07-9:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng; Khu xử lý chất thải rắn phải bảo đảm khoảng cách an toàn môi trường của cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy định tại Tiêu mục 2.12.4 QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) San nền: San nền mặt bằng theo hướng từ Tây Nam sang Đông Bắc; cao độ nền khu vực được định hướng không chế theo cao độ nền đường đường hiện trạng vào Bãi chôn lấp chất thải rắn hiện trạng; cao độ thiết kế san nền cao nhất: +22.98m (Góc phía Tây, đường tiếp cận), cao độ thiết kế san nền thấp nhất: +12.50m (Góc Đông Bắc).

b) Thoát nước mặt: Nước mưa được dẫn theo hệ thống mương hở dọc hành lang cây xanh cách ly, dọc theo các tuyến đường bên trong khu vực nhà máy xử lý chất thải rắn và đầu nối vào vị trí cửa xả hiện trạng phía Đông Bắc (thuộc dự án Bãi chôn lấp chất thải rắn hiện trạng đang hoạt động) thoát về vùng trũng phía Đông.

c) Giao thông: Hệ thống giao thông nội bộ trong Nhà máy xử lý kết nối với đường bê tông hiện trạng có bề rộng 6,5m phía Tây Bắc khu vực lập quy hoạch (thuộc Bãi chôn lấp chất thải rắn hiện trạng đang hoạt động) và được bố trí đến các hạng mục đảm bảo phục vụ dây chuyền công nghệ xử lý, đồng thời đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy.

d) Cấp nước: Nguồn cấp được đầu nối từ hệ thống cấp nước sạch của khu vực tại vị trí nút giao đường ĐT.638 và ĐT.629. Tổng nhu cầu dùng nước sinh hoạt khoảng 52,5m³/ngày.đêm.

đ) Cấp điện: Nguồn cấp được đầu nối từ đường dây 22kV hiện trạng đang cấp cho Bãi chôn lấp chất thải rắn hiện hữu. Tổng nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt khoảng 490kW.

e) Thoát nước thải và xử lý môi trường: Nước thải phát sinh được thu gom và đưa xử lý đạt chuẩn tại khu xử lý nước thải đặt trong khu vực lập quy hoạch. Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt khoảng 42m³/ngày.đêm.

(*Nhu cầu sử dụng nước, điện phục vụ dây chuyền công nghệ xử lý chất thải rắn, lưu lượng nước thải phát sinh trong quá trình xử lý, vị trí đặt nhà máy xử lý nước thải, vị trí nguồn tiếp nhận nước thải sau khi xử lý sẽ được xác định cụ thể*)

sau khi đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được lựa chọn).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND thị xã Hoài Nhơn chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức công khai, công bố đề án điều chỉnh quy hoạch được duyệt, cắm mốc giới quy hoạch ra thực địa, gửi hồ sơ quy hoạch cho Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan để lưu trữ, quản lý quy hoạch và thực hiện các nội dung có liên quan theo quy định; tổ chức rà soát, quản lý phạm vi khoảng cách an toàn môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy định hiện hành; tổ chức thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định.

2. Giao các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, UBND thị xã Hoài Nhơn và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm rà soát, cập nhật quy hoạch theo chuyên ngành để quản lý; theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm phối hợp, kiểm tra, giám sát và triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4825/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K1, K10, K14.

Châu

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng